



Bài tập TIMO: Phép tính chữ (có lời giải)

12 bài · Lớp 1, 2, 3 · đáp án và lời giải ở cuối

Họ tên _____

Ngày _____



Luyện thêm dạng này trong app Karotto: có giọng đọc đề, gợi ý khi bí. Quét mã hoặc vào playkarotto.com

Lớp 1

- 1 Mỗi chữ cái thay cho một số. Chữ giống nhau là số giống nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$14 - A = A$$

$$A = \boxed{}$$

Đáp số: _____

- 2 Mỗi chữ cái thay cho một số. Chữ giống nhau là số giống nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$A + A + A = 9$$

$$A = \boxed{}$$

Đáp số: _____

- 3 Mỗi chữ cái thay cho một số. Chữ giống nhau là số giống nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$A + A + A = 18$$

$$A = \boxed{}$$

Đáp số: _____

- 4 Mỗi chữ cái thay cho một số. Chữ giống nhau là số giống nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$10 - A = A$$

$$A = \boxed{}$$

Đáp số: _____

Lớp 2

- 5 Mỗi chữ cái thay cho một chữ số. Chữ khác nhau là chữ số khác nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$AA + AB = 45$$

$$AB = \boxed{}$$

Đáp số: _____

- 6 Mỗi chữ cái thay cho một số. Chữ giống nhau là số giống nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$86 - A = A$$

$$A = \boxed{}$$

Đáp số: _____

- 7 Mỗi chữ cái thay cho một số. Chữ giống nhau là số giống nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$30 - A = A$$

$$A = \boxed{}$$

Đáp số: _____

- 8 Mỗi chữ cái thay cho một số. Chữ giống nhau là số giống nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$82 - A = A$$

$$A = \boxed{}$$

Đáp số: _____

Lớp 3

- 9 Mỗi chữ cái thay cho một chữ số. Chữ khác nhau là chữ số khác nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$AB - BA = 27$$

$$A - B = \boxed{}$$

Đáp số: _____

- 10 Mỗi chữ cái thay cho một chữ số. Chữ khác nhau là chữ số khác nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$AB + BA = 110$$

$$A + B = \boxed{}$$

Đáp số: _____

- 11 Mỗi chữ cái thay cho một chữ số. Chữ khác nhau là chữ số khác nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$AA + AB = 128$$

$$AB = \boxed{}$$

Đáp số: _____

- 12 Mỗi chữ cái thay cho một chữ số. Chữ khác nhau là chữ số khác nhau. Điền số đúng vào ô trống.

$$AB - BA = 9$$

$$A - B = \boxed{}$$

Đáp số: _____

Đáp án và lời giải: Phép tính chữ

1. Đáp số: 7 · Lớp 1

Cách nghĩ: Lấy 14 bớt đi A thì còn lại đúng A. Vậy A cộng A bằng mấy?

Lời giải: 14 trừ A bằng A, nghĩa là A cộng A bằng 14. Hai số bằng nhau cộng lại được 14 thì mỗi số là 7. Vậy A bằng 7.

2. Đáp số: 3 · Lớp 1

Cách nghĩ: Các chữ A đều là cùng một số. Thử lần lượt từng số cho A.

Lời giải: Có 3 chữ A bằng nhau, cộng lại được 9. Thử A bằng 3: 3 cộng 3 cộng 3 bằng 9. Vậy A bằng 3.

3. Đáp số: 6 · Lớp 1

Cách nghĩ: Các chữ A đều là cùng một số. Thử lần lượt từng số cho A.

Lời giải: Có 3 chữ A bằng nhau, cộng lại được 18. Thử A bằng 6: 6 cộng 6 cộng 6 bằng 18. Vậy A bằng 6.

4. Đáp số: 5 · Lớp 1

Cách nghĩ: Lấy 10 bớt đi A thì còn lại đúng A. Vậy A cộng A bằng mấy?

Lời giải: 10 trừ A bằng A, nghĩa là A cộng A bằng 10. Hai số bằng nhau cộng lại được 10 thì mỗi số là 5. Vậy A bằng 5.

5. Đáp số: 23 · Lớp 2

Cách nghĩ: AA là số có hai chữ số giống nhau, như 33. Thử từng chữ số cho A.

Lời giải: Thử A bằng 2: 22 cộng 20 bằng 42. Còn thiếu 3 nữa nên B bằng 3. Nếu A bằng 3 thì 33 cộng 30 bằng 63, đã lớn hơn 45. Vậy AB là 23.

6. Đáp số: 43 · Lớp 2

Cách nghĩ: Lấy 86 bớt đi A thì còn lại đúng A. Vậy A cộng A bằng mấy?

Lời giải: 86 trừ A bằng A, nghĩa là A cộng A bằng 86. Hai số bằng nhau cộng lại được 86 thì mỗi số là 43. Vậy A bằng 43.

7. Đáp số: 15 · Lớp 2

Cách nghĩ: Lấy 30 bớt đi A thì còn lại đúng A. Vậy A cộng A bằng mấy?

Lời giải: 30 trừ A bằng A, nghĩa là A cộng A bằng 30. Hai số bằng nhau cộng lại được 30 thì mỗi số là 15. Vậy A bằng 15.

8. Đáp số: 41 · Lớp 2

Cách nghĩ: Lấy 82 bớt đi A thì còn lại đúng A. Vậy A cộng A bằng mấy?

Lời giải: 82 trừ A bằng A, nghĩa là A cộng A bằng 82. Hai số bằng nhau cộng lại được 82 thì mỗi số là 41. Vậy A bằng 41.

9. Đáp số: 3 · Lớp 3

Cách nghĩ: Thử với hai chữ số bất kỳ, ví dụ 31 trừ 13 bằng 18, 41 trừ 14 bằng 27. Con thấy gì?

Lời giải: Ví dụ 96 trừ 69 bằng 27. AB trừ BA luôn bằng 9 lần của A trừ B. 27 chia 9 bằng 3. Vậy A trừ B bằng 3.

10. Đáp số: 10 · Lớp 3

Cách nghĩ: Thử với hai chữ số bất kỳ, ví dụ 12 cộng 21 bằng 33, 13 cộng 31 bằng 44. Con thấy gì?

Lời giải: Ví dụ 28 cộng 82 bằng 110. Hàng chục có A cộng B chục, hàng đơn vị có B cộng A, nên tổng luôn bằng 11 lần của A cộng B. 110 chia 11 bằng 10. Vậy A cộng B bằng 10.

11. Đáp số: 62 · Lớp 3

Cách nghĩ: AA là số có hai chữ số giống nhau, như 33. Thử từng chữ số cho A.

Lời giải: Thử A bằng 6: 66 cộng 60 bằng 126. Còn thiếu 2 nữa nên B bằng 2. Nếu A bằng 7 thì 77 cộng 70 bằng 147, đã lớn hơn 128. Vậy AB là 62.

12. Đáp số: 1 · Lớp 3

Cách nghĩ: Thử với hai chữ số bất kỳ, ví dụ 31 trừ 13 bằng 18, 41 trừ 14 bằng 27. Con thấy gì?

Lời giải: Ví dụ 32 trừ 23 bằng 9. AB trừ BA luôn bằng 9 lần của A trừ B. 9 chia 9 bằng 1. Vậy A trừ B bằng 1.